TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 86/2024/DS-PT
Ngày: 11 - 4 - 2024
V/v: "Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu

Các thẩm phán: Ông Trần Vĩnh Yên

Ông Nguyễn Trung Hưng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 100/2023/TLPT-DS ngày 23/02/2023 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 301/2023/QĐ-PT ngày 11/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 17/2024/QĐ-PT ngày 10/01/2024**;** Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 95/TB.TA ngày 21/2/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 157/2024/QĐ-PT ngày 19/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn L, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Đức T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2024).

- Bị đơn: Ông Đặng Quốc B, sinh năm 1957 (chết ngày 03/12/2022) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Lê Đình H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 259/32/1 Bùi Trọng Nghĩa, tổ 39, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 28/10/2022).

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Quốc B:

1/ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2/ Chị Đặng Thị B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

3/ Chị Đặng Thị C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

4/ Chị Đặng Thị A, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

5/ Anh Đặng Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

6/ Chị Đặng Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật của UBND xã M là ông Hà Huy Hường - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Người làm chứng: Ông Đặng Văn Cải, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Người kháng cáo: Ông Đặng Quốc B và bà Nguyễn Thị V.

(Ông H, bà V có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Văn L và người đại diện hợp pháp ông Đặng Văn T trình bày:

Vợ chồng ông Đặng Quốc B, bà Nguyễn Thị V có khoảng 8,5 sào đất nông nghiệp được Hợp tác xã chia tại Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Năm 1995, gia đình ông B không ở địa phương nữa mà cắt chuyển hộ khẩu vào Miền Nam sinh sống. Số đất nông nghiệp khoảng 8,5 sào Bắc Bộ của gia đình ông B không có ai canh tác, nộp thuế.

Đến tháng 06/1998, UBND huyện H có kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 10/Ttg ngày 20/02/1990 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 41/1998/CT ngày 15/4/1990 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc đẩy mạnh và hoàn thành việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp. Tại Văn bản hướng dẫn số 03/HD-BCĐ ngày 07/8/1998 của Ban chỉ đạo giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc UBND huyện H gửi các xã, thị trấn đã hướng dẫn "Các hộ đã được giao ruộng ổn định lâu dài hoặc đã sử dụng đất ổn định nếu đã chuyển đi nơi khác không còn khẩu nào tại địa phương tại thời điểm kê khai, đăng ký QSD đất thì không cho làm đơn đăng ký cấp GCNQSD đất. Diện tích đất mà các hộ quản lý, sử dụng trước đó được thu hồi đưa vào quỹ đất dự trữ của địa phương".

Ông Đặng Văn L lúc bấy giờ là trưởng Thôn M, đồng thời là tổ trưởng tổ

công tác thôn về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do gia đình ông B đã cắt chuyển hộ khẩu khỏi địa phương, đất không có ai canh tác, không đóng thuế nên ngày 15/12/1998, UBND xã M đã giao toàn bộ 8,5 sào đất của vợ chồng ông B cho Thôn M quản lý.

Do Thôn M đang thiếu kinh phí để xây dựng lớp học nên ngày 25/12/1998, Ban lãnh đạo Thôn M do ông L làm trưởng thôn làm văn bản báo cáo và xin UBND xã M cho thôn đấu thầu (bán) 8,5 sào đất của gia đình ông B lấy tiền xây dựng trường học. Chủ tịch UBND xã M đã chấp thuận đề nghị của Thôn M. Trên cơ sở này, Thôn M đã tiến hành đấu thầu đất của gia đình ông B cho 05 người và những người này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền đấu thầu đất của gia đình ông B, thôn đã dùng toàn bộ vào việc xây lớp học tại thôn.

Đến năm 2015, ông B về lại quê và làm đơn tố cáo cho rằng ông L đã tự ý bán đất nông nghiệp của gia đình ông B. Do khi đó chưa tìm được giấy tờ liên quan đến việc UBND xã M giao đất của gia đình ông B cho Thôn M quản lý và sau đó có chủ trương của chính quyền cho bán số đất này lấy tiền xây trường học, trong khi ông B liên tục khiếu kiện, tố cáo và đe dọa nên ông L đã chấp nhận yêu cầu của ông B là ông L giao cho ông B, bà V số tiền 850.000.000 đồng. Hai bên thống nhất thỏa thuận nếu sau này ông L tìm được các văn bản của chính quyền về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ không có mặt tại địa phương và cho đấu thầu đất của gia đình ông B thì ông B, bà V sẽ phải trả lại tiền cho ông L. Việc thỏa thuận này được hai bên lập thành văn bản vào ngày 18/12/2015, có xác nhận của UBND xã M và ông L đã giao đủ số tiền 850.000.000 đồng cho ông B, bà V. Việc giao nhận số tiền này cũng thể hiện bằng văn bản và có sự tham gia chứng kiến của ông Đặng Văn Cải là em ruột của ông L.

Năm 2016, ông L tìm được toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc giao đất, đấu thầu đất của gia đình ông B nên nhân dịp khi ông B, bà V về thăm quê, ông L có đến gặp, yêu cầu ông B, bà V trả lại số tiền 850.000.000 đồng như đã thỏa thuận nhưng ông B, bà V không đồng ý trả.

Ông L cho rằng ông không phải là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông B, không có lợi ích riêng tư gì từ việc đấu thầu đất của hộ ông B mà ông chỉ thực hiện nhiệm vụ trưởng thôn vì lợi ích chung. Ông B, bà V là người trực tiếp nhận tiền của ông L nhưng không trả lại tiền cho ông L như hai bên đã cam kết. Do vậy, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, bà V phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông L số tiền 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi do chậm trả là 8,5%/năm tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (15/3/2019) đến ngày xét xử, thành tiền là 246.854.167đ.

Về chi phí tố tụng và án phí: Ông L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Đặng Quốc B, bà Nguyễn Thị V trình bày:

Ông B, bà V thừa nhận khoảng năm 1995, gia đình ông bà có đi vào Miền Nam sinh sống nhưng toàn bộ 8,5 sào đất nông nghiệp này, ông bà có gửi người thân ở nhà trông coi. Việc ông L đem 8,5 sào đất của ông, bà đấu thầu là sai trái. Khi phát hiện ra việc làm sai trái này của ông L, ông đã khiếu nại, tố cáo đến nhiều

cơ quan pháp luật ở địa phương. Do lo sợ việc làm sai trái của mình bị pháp luật xử lý nên ông L đến thương lượng với ông, bà và bồi thường cho ông, bà số tiền 850.000.000 đồng để ông, bà không tố cáo ông L nữa. Ông, bà đồng ý nhận tiền và giao toàn bộ 8,5 sào đất đó cho ông L. Ông, bà không khiếu kiện gì nữa. Do vậy, ông, bà không đồng ý trả lại tiền như ông L yêu cầu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang trình bày:

Việc có đồng ý cho phép Thôn M đấu thầu đất của hộ ông Đặng Quốc B hay không đã được thể hiện rõ tại Báo cáo của Ban quản lý Thôn M lập ngày 15/12/1998 và ngày 25/12/1998 đã được UBND xã M xác nhận.

(Báo cáo của ban quản lý Thôn M lập ngày 15/12/1998 gửi UBND xã M có nội dung như sau*: "Thôn M là một trong đơn vị nền sản xuất nông nghiệp rất khổ chưa mưa đã úng, chưa nắng đã hạn, năng suất nông nghiệp thất thu. Trong thôn có nhiều hộ chuyển cả gia đình đi Miền Nam. Thôn nay có hộ anh Đặng Quốc B chuyển cả nhà đi Miền Nam, bán toàn bộ nhà cửa, trong hộ không còn ai ở ngoài này nữa. Gia đình anh Đặng Quốc B được Nhà nước và thôn giao cho một số đất nông nghiệp để canh tác. Đất này không còn ai ở quê hương nữa. Ban lãnh đạo Thôn M họp, thống nhất báo cáo UBND xã M. Để đảm bảo các chỉ tiêu thuế, nghĩa vụ của Thôn với Nhà nước, hàng năm, hàng vụ được hoàn thành, Ban lãnh đạo thôn đề nghị Ủy ban xã M giao phần đất nông nghiệp cho Thôn quản lý và Thôn giao sang hộ khác có nhu cầu sản xuất nông nghiệp đất của hộ anh Bảo"*. UBND xã M xác nhận ngay phía dưới của báo cáo này như sau *"UBND xã M xác nhận đơn của Ban Quản lý Thôn M. UBND xã M giao cho Thôn quản lý số diện tích đất N^2 trên"*.

Báo cáo của Ban quan lý Thôn M lập ngày 25/12/1998 gửi UBND xã M có nội dung như sau*: "Ban lãnh đạo Thôn M, xã M báo cáo. Căn cứ chỉ đạo của UBND xã M và Ban giám hiệu nhà trường cấp 1, xã M về việc giao cho Thôn M xây dựng một phòng học cấp 4 ở tại khu Chùa Lâm Quang Tự, Thôn M nhằm phục vụ cho các cháu nhỏ thuộc khu lẻ hai Thôn M và thôn Thắng Lợi năm học từ năm 1998 -1999 trở đi. Ban lãnh đạo thôn về tổ chức họp Quân, dân, Chính của thôn. Hội nghị họp, đây là một sự quan tâm rất lớn của Đảng, Nhà nước, của nhà trường đối với các cháu học cấp 1 mà các cháu còn bé, không phải đi lên khu trung tâm của trường. Song, Hội nghị xác định thuận lợi cho các cháu, nhưng việc xây dựng một phòng học nhà cấp 4 đối với cơ sở thật là quá khó khăn cho cơ sở Mai Trung. Có thể nói nếu không có đầu tư của UBND xã và nhà trường thì cơ sở Thôn M không xây được. Ban lãnh đạo Thôn M đề nghị UBND xã M giao cho Thôn M giao thầu phần quỹ đất nông nghiệp của hộ ông Đặng Văn Bảo. Hộ mà đã chuyển toàn bộ khẩu đi vào Nam, xã đã giao cho thôn quản lý để lấy kinh phí xây dựng trường. Sau khi xây dựng xong, Ban lãnh đạo thôn sẽ báo cáo với UBND xã về quyết toán xây dựng. Mong sự giúp đỡ của UBND xã và Ban giám hiệu nhà trường"*. Ngày 26/12/1998, UBND xã M xác nhận ngay phía dưới của báo cáo này như sau *"Căn cứ báo cáo và nguyện vọng của Ban quản lý thôn và nhân dân Mai Trung, UBND xã nhất trí như báo cáo và đề nghị của Thôn M như trong văn bản để xây dựng trường")*.

Theo thẩm quyền quản lý về đầu tư thời điểm đó UBND xã không quản lý số tiền thôn làm chủ đầu tư, việc xây dựng lớp học có hay không thì đã được lãnh đạo UBND xã M, Hiệu trưởng Trường tiểu học M số 01 và đại diện một số người Thôn M có cùng thời điểm đó xác nhận. Việc các hộ nhận đấu thầu đất của hộ ông B đã được nêu rõ trong Kết luận số 48/KL-UBND ngày 28/6/2015 của Chủ tịch UBND xã M. UBND xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Người làm chứng ông Đặng Văn C xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản ý kiến trình bày như sau:

Ngày 12/12/2015, ông có chứng kiến và ký tên trong "Văn bản thỏa thuận cam kết trách nhiệm hai bên" giữa ông L và ông B về việc ông L còn nợ ông B số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và trong tháng 12/2015, ông L phải lo trả đủ số tiền này cho ông B. Nhưng đến ngày 18/12/2015, ông L đã chạy đủ số tiền 250.000.000 đồng. Vì vậy, ngày 18/12/2015, giữa ông L, ông B, bà V (là vợ của ông B) có lập văn bản với nội dung ông L đã giao số tiền 250.000.000 đồng và ông B, bà V đã nhận tiền. Ông B là người viết văn bản này. Tổng cộng gia đình ông B, bà V đã nhận đủ số tiền 850.000.000 đồng, sau đó các bên cùng ký và ghi rõ họ tên. Nội dung của hai văn bản trên ông Cải đều nắm rõ và ký tên với tư cách là người làm chứng. Tiền ông L giao cho ông B, bà V là tiền của ông L chứ không phải của ông nên ông không có yêu cầu gì đối với ông B, bà V.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu căn cứ Điều 26; khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 161; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105; Điều 166; Điều 288; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L về việc "Kiện đòi tài sản".

Buộc ông Đặng Quốc B và bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Đặng Văn L tổng số tiền là 1.096.854.167 đồng (một tỷ không trăm chín mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng), bao gồm: Số tiền trước đây ông B, bà V đã nhận của ông L là 850.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả là 246.854.167 đồng.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đặng Quốc B và bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông Đặng Văn L số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đặng Quốc B và bà Nguyễn Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 44.906.625 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định.

- Ngày 5/9/2022 ông Đặng Quốc B và bà Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận thỏa thuận của vợ chồng ông bà với ông L.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về đề xuất giải quyết vụ án: Kháng cáo của ông Đặng Quốc B và bà Nguyễn Thị V trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận.

Ông Đặng Quốc B, bà Nguyễn Thị V cho rằng ông Đặng Văn L bán đất nông nghiệp của ông, bà trái pháp luật nên phải chịu trách nhiệm bồi thường trị giá 8,5 sào đất là 850.000.000 đồng là không phù hợp với tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ. Việc ông L giao số tiền 850.000.000 đồng cho ông B, bà V là do ông B tố cáo ông L tự ý bán đất nông nghiệp của gia đình ông, bà và do lúc đó chưa tìm được giấy tờ liên quan đến việc UBND xã M giao đất của gia đình ông B cho Thôn M quản lý và sau đó có chủ trương của chính quyền cho bán số đất này lấy tiền xây trường học, tại thời điểm đó ông L đang làm trưởng thôn.

Để chứng minh cho yêu cầu, ông L đã cung cấp Văn bản thỏa thuận cam kết trách nhiệm hai bên được ông L và ông B lập ngày 12/12/2015 có xác nhận của UBND xã M ngày 21/12/2015, Phó chủ tịch UBND xã M là ông Đào Văn Vinh ký tên, đóng dấu (BL 60). Ông B không thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên *"Đặng Quốc B",* tại Kết luận giám định số 2902/C09B ngày 31/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Viện Khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận: *Chữ ký, chữ viết "Đặng Quốc B" dưới mục "Bên A" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (Văn bản thỏa thuận cam kết trách nhiệm hai bên ngày 12/12/2015) so với chữ ký, chữ viết đứng tên "Đặng Quốc B" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết ra* (BL 290).

Việc giao thầu đất có nguồn gốc của gia đình ông B là do chính quyền địa phương thực hiện, chứ không phải do ông L thực hiện với tư cách cá nhân. Ông L đã tìm được các tài liệu liên quan đến việc giao thầu đất của gia đình ông B gồm các Quyết định Công nhận tổ công tác cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có ông L Trưởng Thôn M là tổ trưởng (BL 01); Hướng dẫn số 03/HD-BCĐ ngày 07/8/1998 của Ban chỉ đạo giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc UBND huyện H gửi các xã, thị trấn (BL 07); Báo cáo của Ban Lãnh đạo Thôn M ngày 15/12/1998, có xác nhận của UBND xã M về việc đồng ý giao đất nông nghiệp của gia đình ông B cho Thôn M quản lý (BL 06); Báo cáo của Ban Lãnh đạo Thôn M ngày 25/12/1998, được UBND xã M nhất trí về việc cho Thôn M đấu thầu 8,5 sào đất của gia đình ông B lấy kinh phí xây dựng trường học (BL 233) và một số văn bản, tài liệu liên quan đến việc giao thầu đất cho các hộ dân khác và sử dụng kinh phí từ giao thầu diện tích đất này vào việc xây dựng lớp học tại Thôn M.

Ông L đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình được ghi trong "Văn bản thỏa

thuận cam kết trách nhiệm hai bên" được ông L và ông B lập ngày 12/12/2015, có xác nhận của UBND xã M ngày 21/12/2015. Yêu cầu của ông Đặng Văn L buộc ông Đặng Quốc B và bà Nguyễn Thị V phải trả lại số tiền 850.000.000 đồng cho ông L là có căn cứ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị đơn ông Đặng Quốc B, bà Nguyễn Thị V có đơn xin miễn án phí. Qua xem xét thì ông B, bà V là người cao tuổi, theo quy định pháp luật ông, bà thuộc trường hợp được miễm án phí (BL 468). Đề nghị Hội đồng xét xử, Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Quốc B, bà Nguyễn Thị V, Sửa bản án sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Quốc B và bà Nguyễn Thị V kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật đúng quy định.

[1.2] Về tư cách của đương sự: Ông Đặng Quốc B chết ngày 03/12/2022 nên phải đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Quốc B gồm bà Nguyễn Thị V, chị Đặng Thị B, chị Đặng Thị C, chị Đặng Thị T, anh Đặng Văn T và chị Đặng Thị T tham gia tố tụng theo quy định.

[2] Về nội dung: Ông L khởi kiện yêu cầu buộc ông B, bà V phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông số tiền 850.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả là 8,5%/năm tính từ ngày Tòa thụ lý vụ án (15/3/2019) đến ngày xét xử, thành tiền là 246.854.167 đồng. Ông không phải là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông B, không có lợi ích riêng tư gì từ việc đấu thầu đất của hộ ông B mà ông chỉ thực hiện nhiệm vụ trưởng thôn vì lợi ích chung. Ông B, bà V là người trực tiếp nhận tiền của ông nhưng không trả lại tiền cho ông như hai bên đã cam kết.

Ông B, bà V thừa nhận khoảng năm 1995, gia đình ông bà có đi vào Miền Nam sinh sống, 8,5 sào đất nông nghiệp ông bà có gửi người thân trông coi. Việc ông L đem 8,5 sào đất của ông, bà đấu thầu, ông đã khiếu nại, tố cáo nên ông L đến thương lượng và bồi thường cho ông, bà số tiền 850.000.000 đồng để ông, bà không tố cáo ông L nữa. Ông, bà không đồng ý trả lại tiền như ông L yêu cầu.

Tại cấp sơ thẩm đã giải thích, hướng dẫn ông B, bà V nếu có yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất thì phải làm đơn theo quy định và nộp để Tòa xem xét, giải quyết nhưng ông B, bà V không thực hiện. Nếu ông B, bà V cho rằng việc chính quyền địa phương giao thầu đất của ông, bà trái pháp luật và kiện đòi lại diện tích đất này thì có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết bằng một vụ, việc khác.

[3] Tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện thực tế không có việc ông L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 8,5 sào đất của ông B, bà V mà diện tích đất này do Thôn M giao thầu cho các hộ dân. ông B, bà V cho rằng đã bán toàn bộ 8,5 sào đất này cho ông L số tiền 850.000.000 đồng là không có cơ sở, không phù hợp với việc sử dụng đất của các hộ dân đã được giao thầu.

Việc ông L giao số tiền 850.000.000 đồng cho ông B, bà V như ông L đã trình bày là phù hợp, ông L đã cung cấp Văn bản thỏa thuận cam kết trách nhiệm hai bên được ông L và ông B lập ngày 12/12/2015, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M ngày 21/12/2015 với nội dung như sau: *"Hôm nay ngày 12/12/2015 giữa hai ông Đặng Văn L và ông Đặng Quốc B. Hai ông thỏa thuận ông B gọi là A yêu cầu ông L gọi là B. Ông L còn nợ ông B số tiền 250.000.000đ thì đủ theo văn bản là 850.000.000đ thì ông B chịu trách nhiệm rút đơn tố cáo ông L. Thời gian trả trong tháng 12/2015 phải xong. Nếu không xong coi như ông L mất số tiền đã trả là 600.000.000đ và ông L vẫn phải trả số ruộng mà ông L giao thầu 8 sào 5 thước. Ông L xin đồng ý vì chưa tìm được giấy tờ B. ông L yêu cầu, trả đủ số tiền rồi mà tôi tìm được các giấy tờ Huyện chỉ đạo xã, thôn năm 1998 cho kê khai cấp đổi giấy C.N.Q.S dụng đất tạm thời sang cấp giấy C.N.Q. sử dụng đất chính tức, khi cấp đổi toàn bộ hộ anh Bảo không có khẩu ở quê nhà nữa, xã thu đất N^2 hộ anh Bảo giao cho thôn, giao thầu xây dựng trường học. A. anh Bảo nếu có giấy tờ cấp đổi xã thu cho thôn giao thầu, tôi Bảo xin trả lại số tiền đã lấy của hộ ông L nếu không sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật"*. Bên A ký và ghi họ tên *"Đặng Quốc B"*; Bên B ký và ghi họ tên *"Đặng Văn L"*. Người chứng kiến ký và ghi họ tên *"Đặng Văn C"*. UBND xã M xác nhận: *"Văn bản thỏa thuận giữa ông Đặng Quốc B và ông Đặng Văn L trên là đúng. Vậy UBND xã yêu cầu hai ông thực hiện đúng theo văn bản thỏa thuận trên"* Phó chủ tịch UBND xã M là ông Đào Văn Vinh ký tên, đóng dấu (BL 60).

Ông B không thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên *"Đặng Quốc B"*, tại Kết luận giám định số 2902/C09B ngày 31/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Viện Khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận: *Chữ ký, chữ viết "Đặng Quốc B" dưới mục "Bên A" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (Văn bản thỏa thuận cam kết trách nhiệm hai bên ngày 12/12/2015) so với chữ ký, chữ viết đứng tên "Đặng Quốc B" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 (gồm Văn bản không ghi tiêu đề, đề ngày 18/12/2015; biên bản giao nhận ngày 19/5/2020; biên bản lấy lời khai đối chất giữa các đương sự ngày 29/3/2021; biên bản lấy lời khai bị đơn ngày 06/4/2021) là do cùng một người ký, viết ra* (BL 290). Văn bản thỏa thuận cam kết trách nhiệm hai bên được ông L và ông B lập ngày 12/12/2015 là chữ ký, chữa viết của ông B nên ông B phải chịu trách nhiệm thực hiện cam kết mà mình đã thỏa thuận.

[4] Việc giao thầu đất có nguồn gốc của gia đình ông B là do chính quyền địa phương thực hiện chứ không phải do ông L thực hiện, ông L đã cung các tài liệu liên quan đến việc giao thầu đất của gia đình ông B gồm: Quyết định công nhận tổ công tác cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có ông L - Trưởng Thôn M là tổ trưởng (BL 01); Hướng dẫn số 03/HD-BCĐ ngày 07/8/1998 của Ban chỉ đạo giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc Ủy ban nhân dân

huyện H gửi các xã, thị trấn, trong đó có nội dung *"Các hộ đã được giao ruộng ổn định lâu dài hoặc đã sử dụng đất ổn định nếu đã chuyển đi nơi khác không còn khẩu nào tại địa phương tại thời điểm kê khai, đăng ký QSD đất thì không cho làm đơn đăng ký cấp GCNQSD đất. Diện tích đất mà các hộ quản lý, sử dụng trước đó được thu hồi đưa vào quỹ đất dự trữ của địa phương"* (BL 07); Báo cáo của Ban lãnh đạo Thôn M ngày 15/12/1998, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M về việc đồng ý giao đất nông nghiệp của gia đình ông B cho Thôn M quản lý (BL 06); Báo cáo của Ban Lãnh đạo Thôn M ngày 25/12/1998, được Ủy ban nhân dân xã M nhất trí về việc cho Thôn M đấu thầu 8,5 sào đất của gia đình ông B lấy kinh phí xây dựng trường học (BL 233) và một số văn bản, tài liệu liên quan đến việc giao thầu đất cho các hộ dân khác và sử dụng kinh phí từ giao thầu diện tích đất này vào việc xây dựng lớp học tại Thôn M. Ông L đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình được ghi trong "Văn bản thỏa thuận cam kết trách nhiệm hai bên" được ông L và ông B lập ngày 12/12/2015, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M ngày 21/12/2015.

Các bên đương sự đều trình bày thống nhất việc ông L giao cho ông B, bà V số tiền 850.000.000 đồng và ông, bà cũng thừa nhận sử dụng số tiền này chứ không liên quan gì đến các thành viên khác trong hộ gia đình. Theo thỏa thuận của hai bên, khi ông L tìm lại được giấy tờ liên quan đến việc chính quyền cho giao thầu đất của gia đình ông B thì ông B phải trả lại tiền cho ông L. Khi ông L thông báo cho ông B, bà V về việc đã tìm được các giấy tờ như hai bên cam kết, thỏa thuận thì ông B, bà V phải kiểm tra lại, nếu đúng thì phải trả lại tiền cho ông L. Tuy nhiên, dù đã được ông L và Tòa thông báo nhưng ông B, bà V vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình, không trả lại tiền cho ông L.

[5] Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà V và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B không còn có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp nên không có căn cứ để xem xét. Ông B và bà V là người cao tuổi nên không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định.

[6] Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho bà V do bà V là người cao tuổi.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù với nhận định của hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Quốc B, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu về án phí.

Căn cứ các Điều 105, Điều 166, Điều 288, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L về việc "Kiện đòi tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị V và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Quốc B gồm bà Nguyễn Thị V, chị Đặng Thị B, chị Đặng Thị C, chị Đặng Thị T, anh Đặng Văn T và chị Đặng Thị T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Đặng Văn L tổng số tiền là 1.096.854.167 đồng (một tỷ không trăm chín mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng), bao gồm: Số tiền trước đây ông B, bà V đã nhận của ông L là 850.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả là 246.854.167 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị V và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Quốc B phải trả cho ông Đặng Văn L số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho bà V do bà V là người cao tuổi.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0004630 ngày 27/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Long Châu